

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 249/2023/DS-PT

Ngày: 21-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Đặng Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 150/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974;

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 19-6-2023).

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho ông B: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2.3, tầng 2, tòa nhà I, số 4 đường N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16-8-2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Trọng K, Chi nhánh Văn phòng Luật sư Võ Trọng K, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 20 N, Phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thành P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: 2.3, Tầng 2, Tòa nhà I, số 4 N, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023).

2. Bà Hồ Thị Kim T1, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn B - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-7-2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Trước đây bà T và ông Hồ Thanh H có mối quan hệ bạn bè, ông H có vay tiền của bà T nhiều lần nên ông H giới thiệu ông B vay tiền của bà T. Vào ngày 22-3-2022 thông qua ông H, ông B hỏi bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 02 ngày kể từ ngày vay, mục đích vay tiền là để ông B đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày. Bà T trực tiếp giao đủ số tiền vay 1.000.000.000 đồng cho ông B. Khi vay ông B có viết giấy tay “Biên nhận” có nội dung “...ông Đỗ Văn B có mượn của chị B giảm số tiền là 1.000.000.000đ để trả tiền đáo hạn Ngân hàng hai ngày...”, do bà T thứ bảy nên giấy vay tiền ghi mượn của chị B giảm chính là bà T. Nội dung giấy tay do ông B tự ghi, tại mục người mượn do ông B ký tên và ghi họ tên. Đến hạn trả tiền ông B không thực hiện đúng thỏa thuận, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền cho bà T nhưng ông B không thực hiện. Từ khi vay đến nay ông B không trả bất kỳ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn B cùng bà Hồ Thị Kim T1 liên đới trả cho bà số tiền gốc_vay là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và tiền lãi của số tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 22-3-2022 đến ngày đến ngày xét xử. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Đỗ Văn B do ông Nguyễn Văn Th đại diện trình bày:

Thông qua ông H (em vợ ông B) nên ông B biết được bà T có cho vay tiền, vào ngày 22-3-2022 ông B có vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả tiền là hai ngày sau kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày. Cùng ngày 22-3-2022 ông B đã nhận đủ số tiền vay 1.000.000.000 đồng của bà T, khi vay có lập giấy tay biên nhận, nội dung do ông B ghi, trong giấy ghi ông B mượn của chị B giảm 1.000.000.000 đồng tức là bà T, tại mục người mượn do ông B ký tên và ghi họ tên. Khi bà T giao tiền thì ông B không kiểm tra đến ngân hàng ông B phát hiện thiếu 2.000.000 đồng. Ông B có nói với bà T về việc giao tiền vay thiếu 2.000.000 đồng thì bà T nói để kiểm tra rồi gọi lại cho ông B nhưng bà T im lún. Vào ngày 23-3-2022 Ngân hàng Agribank chi nhánh Bà Mía tại xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa giải ngân cho ông B số tiền 1.000.000.0000 đồng, cùng ngày này ông B có giao cho ông H số tiền vay 1.000.000.0000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng để trả cho bà T chứ ông B không trực tiếp trả tiền cho bà T. Lý do ông B giao cho ông H trả cho bà T là do ông H nói sẽ bù thêm 2.000.000 đồng tiền thiếu để trả cho bà T. Vài ngày sau ông B có liên hệ ông H để hỏi ông H trả tiền cho bà T giùm ông B hay chưa thì ông H nói đã trả tiền cho bà T rồi nhưng không làm biên nhận và không lấy giấy nợ về. Khi đó ông H nói với ông B là bà T có nói “tao xé giấy vay rồi”. Sau này ông B được biết ông H có ghi âm cuộc trò chuyện qua điện thoại giữa ông H và bà T liên quan đến số tiền ông B vay của bà T, bà T có thừa nhận đó là lời nói của bà T nói chuyện với ông H nên ông B không yêu cầu giám định giọng nói của bà T. Số tiền ông B vay của bà T là tự cá nhân ông B vay và trực tiếp nhận tiền từ bà T, không liên quan đến vợ là bà T1. Trước đây ông B có vay tiền của bà T nhiều lần để đáo hạn ngân hàng, đến hạn thanh toán ông B cũng giao tiền cho ông H trả cho bà T giùm ông B. Nay ông B xác định đã giao tiền cho ông H 1.000.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi để ông H trả giùm cho bà T nên không còn nợ tiền bà T, vì vậy không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Ngoài ra ông B không có ý kiến hay yêu cầu nào trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh H do ông Nguyễn Minh H đại diện trình bày:

Ông B là anh rể của ông H. Trước đây ông H có vay tiền của bà T nhiều lần nên ông H quen biết bà T, từ đó ông H giới thiệu bà T để ông B vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi ông B đáo hạn ngân hàng thì vào ngày 23-3-2022 ông B có giao cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng để nhờ ông H trả số tiền vay và tiền lãi cho bà T, cùng ngày này ông H đã trả cho bà T toàn bộ số tiền trên, khi ông H trả tiền cho bà T thì không làm giấy tờ vì do tin tưởng bà T. Ngày 11-4-2022 ông H có gọi điện thoại cho bà T hỏi “bữa anh ba (tức ông B) có mượn 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng có làm giấy tờ hả?” thì bà T nói “ừ”, ông H nói tiếp “anh hỏi em tờ giấy vay tiền em có lấy về cho anh không” thì bà T trả lời “sao mà không nói ổng tao đưa mà xé rồi”...cuộc trò chuyện này được ông H ghi âm lại. Ông H xác định đã trả cho bà

T số tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng cho bà T giùm ông B nên ông B không còn nợ tiền bà T. Bà T đã thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm là của bà nói chuyện với ông H nên ông H không yêu cầu giám định giọng nói của bà T. Ngoài ra ông H không có ý kiến hay yêu cầu nào trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim T1 trình bày:

Bà T1 thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông B, không bổ sung ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 1.185.920.000 đồng, trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 185.920.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07-3-2023, bị đơn ông Đỗ Văn B nộp đơn kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do sau: Theo Biên bản ngày 28-7-2022, ngày 16-8-2022, bà T thừa nhận có nhận của ông H 1.000.000.000 đồng và tiền lãi; trong đoạn ghi âm bà T không biết anh ba là ai là vô lý; bà T1 thứ ba là vợ ông B, ông H em bà T1 nên kêu ông B là anh ba; tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bà T cũng thừa nhận có nhận 1.000.000.000 đồng; bị đơn chứng minh được đã trả nợ cho bà T; Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dựa trên Quyết định đưa vụ án ra xét xử không có trong hồ sơ vụ án; tính lãi suất 20%/năm là trái với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 308

Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Văn B do ông Nguyễn Văn Th đại diện trình bày:

Anh B là anh ba, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã; nguyên đơn khai mâu thuẫn, không chứng minh được anh ba là ai; bà T đã nhận tiền của ông B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông B trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Các bên đương sự đều thống nhất trình bày vào ngày 22-3-2022 ông B có viết giấy biên nhận vay của bà T số tiền 1.000.000.000 đồng, trong thời hạn 02 ngày, lãi 3.000.000 đồng/ngày, mục đích là để ông B đáo hạn ngân. Thực hiện hợp đồng, ngày 23-3-2022 ông B làm thủ tục vay của Ngân hàng và được giải ngân số 1.000.000.000 đồng. Cùng ngày, vợ của ông B là bà T1 đã đưa ông H (em ruột bà T1) số tiền 1.000.000.000 đồng vay và 6.000.000 đồng tiền lãi nhờ đem trả cho bà T. Nhưng bà T chỉ thừa nhận ông có đem trả cho bà T nhận số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là nợ phát sinh từ khoản nợ 850.000.000 đồng ông H vay nhiều lần của bà, chứ ông B chưa trả tiền 1.000.000.000 đồng cho bà.

Trong đoạn ghi âm do ông B cung cấp có thể hiện nội dung là cuộc nói chuyện giữa ông H và bà T về số tiền 01 tỷ đồng anh ba mượn đáo hạn ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th đại diện ông B và người liên quan là ông H thống nhất trình bày cho rằng anh ba mà ông H nhắc đến trong đoạn ghi âm trên chính là ông B và khoản tiền ông H nhắc đến chính là khoản vay 01 tỷ đồng ngày 22-3-2022 của ông B đã vay và trả cho bà T vào ngày 23-3-2022. Phía bà S đại diện bà T thừa nhận giọng nói của bà T nhưng cho rằng nội dung cuộc thoại trên chỉ là lời nói đùa giữa bà T với ông H, đồng thời bà còn cho rằng trước đây ông H có hỏi vay mượn giùm cho nhiều người nên người gọi là anh ba trong đoạn ghi âm này cũng chưa có gì để xác nhận đó là ông B. Xét thấy, theo nội dung giấy xác nhận quan hệ gia đình của xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa thể hiện ông H có quan hệ là em ruột của bà T1 (vợ của ông B) và bà T1 là con thứ 3 nên việc ông H gọi ông B là anh ba là phù hợp, đồng thời các tình tiết nội dung thể hiện trong đoạn ghi âm do ông B cung cấp cũng hoàn toàn phù hợp với nội dung diễn biến việc ông B vay tiền cũng như trả tiền vay cho bà T thông qua ông H là người đưa tiền vào đúng thời điểm ngày 23-3-2022. Phía bà S đại diện bà T cũng thừa nhận bà T có nhận của ông H số tiền 01 tỷ đồng nhưng cho rằng đây là khoản nợ của ông H trả cho bà T, tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông H trả tiền cho bà là trả cho khoản nợ giữa ông H với bà T; trong khi đó ông H không thừa nhận có vay mượn tiền của bà T giùm cho bất kỳ

ai và ông H xác nhận số tiền 01 tỷ đồng ông đem trả cho bà T vào ngày 23-3-2022 là trả thay số tiền 01 tỷ đồng mà ông B đã mượn của bà T, không phải là tiền trả cho khoản nợ của ông. Đồng thời, bà S đại diện bà T cho rằng đoạn ghi âm chỉ là câu chuyện nói đùa giữa bà với ông H và bà không biết ông anh ba trong đoạn ghi âm đó là ai là không phù hợp, bà S cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh người mà bà T với ông H nói chuyện gọi là anh ba trong đoạn ghi âm là một người nào khác mà không phải là ông Đỗ Văn B. Vì vậy, có cơ sở để xác định ông Đỗ Văn B có trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ vay là 01 tỷ đồng thông qua ông H và do bà T chỉ thừa nhận có nhận số tiền 01 tỷ đồng, không thừa nhận thêm về số tiền lãi đã trả và phía ông B cũng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh rằng ông có trả 06 triệu đồng tiền lãi cho bà T nên xác định ông B chưa trả lãi cho bà T. Do đó, ông B phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho bà T số tiền lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn B là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn B và sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn B được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông B kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thấy rằng:

[2] Tại “Biên nhận” ngày 22-3-2022 có nội dung: Ông Đỗ Văn B có mượn chị B giảm số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng hai ngày. Ông B thừa nhận có vay bà T số tiền 1.000.000.000 đồng theo biên nhận nêu trên. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Ông B cho rằng, ngày 23-3-2022 ông đã giao 1.000.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi cho ông H để ông H trả cho bà T nhưng không có làm biên nhận đã trả tiền. Ông B cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và bà T để chứng minh ông H đã trả giúp ông B nên không còn nợ bà T.

[4] Xét thấy, trong đoạn ghi âm do ông B cung cấp có nội dung là cuộc nói chuyện giữa ông H và bà T về số tiền 1.000.000.000 đồng anh ba mượn đáo hạn ngân hàng. Ông B cho rằng anh ba mà ông H nhắc đến chính là ông B và khoản tiền ông H nhắc đến chính là khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 22-3-2022 của ông B. Mặc dù bà T1 (vợ của ông B) thứ ba nên ông H gọi ông B bằng anh ba nhưng bà T không thừa nhận anh ba trong đoạn ghi âm mà ông H nhắc đến là ông Đỗ Văn B. Ông B không có chứng cứ chứng minh anh ba trong đoạn ghi âm chính là ông B. Hơn nữa, nội dung ghi âm không thể hiện người vay tiền tên gì, vay vào thời gian nào, trả tiền vay, tiền lãi là bao nhiêu. Vì ông H, bà T thừa nhận

thường xuyên qua lại vay tiền và giới thiệu cho nhiều người vay, chính ông B trước đây cũng vay tiền của bà T 4-5 lần, mỗi lần là 1.000.000.000 đồng.

[5] Mặt khác, trong đoạn ghi âm bà T1 cung cấp có cuộc nói chuyện giữa bà T1 và bà T thể hiện nội dung giữa bà T và ông H có nhiều khoản tiền chưa được hai bên thống nhất; bà T khẳng định ông H không trả tiền cho ông B nhưng bà T1, ông B và ông H không gặp bà T đối chất để làm rõ vấn đề này. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 cũng thừa nhận đoạn ghi âm này được ghi âm sau khi ông H ghi âm bà T. Như vậy sau khi ông H ghi âm bà T thì các bên đã có mâu thuẫn về việc trả tiền cho bà T.

[6] Bà T1 xác định ông B không trực tiếp đi trả nợ mà nhờ ông H trả giùm là để ông H bù thêm 2.000.000 đồng tiền thiếu nhưng bà cũng thừa nhận đã giao đủ cho ông H 1.000.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi. Việc bà T1, ông B giải thích không trực tiếp đi trả mà nhờ ông H trả giùm là để ông H bù thêm 2.000.000 đồng lại mâu thuẫn với thực tế ông bà vẫn giao đủ số tiền cho ông H, nếu đúng như lý do bà T1 đưa ra thì ông bà sẽ không giao đủ tiền cho ông H nên lời trình bày của bà T1 ông B không phù hợp và không được chấp nhận.

[7] Việc giao tiền cho ông H, ông B và bà T1 khai không thống nhất. Ông B cho rằng do ông trực tiếp giao tiền cho ông H; bà T1 cho rằng do bà trực tiếp giao tiền cho ông H. Ông H cũng khai không thống nhất, lúc thì khai ngày 24-3-2022 ông B có đưa cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng; lúc thì khai ngày 23-3-2022 ông B có đưa cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng để nhờ ông trả tiền vốn vay và lãi cho bà T, cùng ngày này ông H đã trả cho bà T toàn bộ số tiền trên nhưng lại không yêu cầu bà T làm biên nhận nhận tiền là không phù hợp với thực tế, vì số tiền vay không phải là nhỏ. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H trình bày đã giao cho bà T 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm, ông H lại trình bày đã giao cho bà T 1.000.000.000 đồng và 8.000.000 đồng.

[8] Bà T thừa nhận có nhận từ ông H 1.000.000.000 đồng nhưng không thừa nhận là khoản tiền để trả nợ cho khoản vay của ông B mà là thanh toán nợ của ông H. Đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và bà T thể hiện ông H nói: “..., còn em mai một phần của em, em ghi phần của em với chị đầu đó đang hoàng, thiếu chị chỗ nào đầu đó rành rõ, để cho chị em mình khỏi mịch lòng nhe”; đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T1 và bà T thể hiện bà T1 nói: “..., chứ phần của em là hôm em gửi cho chị rồi, trả rồi, em đưa cho nó trả cho chị rồi”, bà T đáp: “ôi nó lẹo tẹo tùm lum, nó lấy tiền này nó trả tiền kia...”. Do đó, bà T trình bày, ông H có giao cho bà 1.000.000.000 đồng và ông H nói để vài bữa tính, không liên quan đến số tiền vay của ông B là phù hợp với nội dung ghi âm nêu trên.

[9] Mặt khác, tại biên bản công khai chứng cứ ngày 28-7-2022, không thể hiện đã công khai đoạn ghi âm bà T1, ông B cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 và ông Th cũng xác định ngày 28-7-2022 ông, bà chưa có điều kiện cung cấp đoạn ghi âm cho Tòa án. Ông B không chứng minh được đoạn ghi âm ông H mở cho bà T nghe chính là đoạn ghi âm mà bà T1 giao nộp cho Tòa.

Bà T không thừa nhận khoản tiền này đã trả nợ cho ông B mà khoản tiền này là trả nợ của ông H.

[10] Bà T cho ông B vay tiền có lập giấy biên nhận do ông B ký tên, hiện nay giấy biên nhận bà T còn đang giữ. Ông B cho rằng đã nhờ ông H trả giùm nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày của ông B và người đại diện là không có cơ sở chấp nhận. Đây là hợp đồng vay tiền, có lãi và có thời hạn. Đến hạn, ông B không trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[11] Về tiền lãi: Bà T yêu cầu tính lãi từ ngày vay 22-3-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1,66%/tháng. Tại phiên tòa các bên thống nhất hợp đồng vay có kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do đó, bà T chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay tới ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận. Lãi được tính như sau: 1.000.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng 06 ngày = 185.920.000 đồng.

[12] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Xét thấy khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại. Mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Do đó, yêu cầu buộc liên đới của bà T là có cơ sở được chấp nhận.

[13]. Ông Hồ Thanh H thừa nhận có nhận của ông B 1.000.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi; bà T thừa nhận có nhận từ ông H 1.000.000.000 đồng do ông H thanh toán các khoản nợ khác. Các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu ông H và bà T; ông B, bà T1 và ông H có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[14]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 1.185.920.000 đồng, trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 185.920.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[15] Kháng cáo của ông B yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[16] Ngoài ra, bản án sơ thẩm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐST-DS ngày 04-11-2022 nhưng trong hồ sơ thì Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 01-02-2023, Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục và nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[17] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[18] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn B và sửa một phần bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

[19] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn B;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền 1.185.920.000 đồng, trong đó 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 185.920.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn B và bà Hồ Thị Kim T1 phải liên đới chịu 47.578.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án. Hoàn trả 21.000.000 đồng và 1.830.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo biên lai thu số 0002569 ngày 18-7-2022 và 0002592 ngày 03-8-2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002952 ngày 07-3-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu